

**HỢP TÁC XÃ
TÂM TRÀ VIỆT**
Số: 02/CV-TRAVINA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Đề nghị tiếp nhận bản tự công bố chất
lượng sản phẩm

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Hợp tác xã Tâm Trà Việt chúng tôi là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chè, nay xin gửi đến Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị xã Đại Từ tỉnh Thái Nguyên hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm với các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên sản phẩm: **Trà nổi**
2. Tên tổ chức/cá nhân: Hợp tác xã Tâm Trà Việt
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Bấu Châu, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
4. Mã số thuế: 4601620037
5. Số điện thoại: 0855318678

Chúng tôi cam kết sản phẩm tự công bố đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, an toàn của sản phẩm.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản tự công bố sản phẩm (theo mẫu quy định);
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm sản phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP;
- Tài liệu kỹ thuật khác (nếu có).

Kính đề nghị Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xem xét, tiếp nhận và đăng tải trên Website theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP

TRAVINA – HỢP TÁC XÃ TÂM TRÀ VIỆT

Đã ký, đóng dấu
(che chữ ký khi đăng web)

TRAVINA
HỢP TÁC XÃ TÂM TRÀ VIỆT

MÃ SỐ THUẾ: 4601620037

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 02/TRAVINA/2025

TRÀ NỖN

NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/TRAVINA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ TÂM TRÀ VIỆT

Địa chỉ: Xóm Bầu Châu, Đại Từ, Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0855318678

Email: cskhtravina@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 46011600037

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; 14/2025/UBND-NNMT-TNg

Ngày cấp: ngày 20 tháng 6 năm 2025

Nơi cấp: UBND Huyện Đại Từ, Thái Nguyên

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Trà nởn
2. Thành phần: Thu hái 100% búp chè 1 tôm 1 lá
3. Thời hạn sử dụng 12 tháng (1 năm)
4. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi không còn nguyên vẹn niêm phong hoặc quá hạn sử dụng
5. Quy cách đóng gói: 10gr, 100gr, 200gr, 250gr, 500gr, 5kg, 10kg, 20kg. Và các quy cách theo yêu cầu của từng khách hàng.

Chất liệu bao bì; Bao bì giấy, hộp gỗ, hộp kim loại, túi có các cấu trúc màng: PET/AL/PE/PP, PET/VMPET/LLDPE, MATT OPP/MPET/PE đạt yêu cầu vệ sinh ATTP theo quy định của Bộ Y Tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu nhãn chính thức đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp tác xã Tâm Trà Việt sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9740:2013 về chè xanh
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2007 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.”

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- + Ngoại hình: Tương đối chau chuốt, chắc cánh, xoắn chặt, non, đồng đều về màu sắc và kích thước, đặc trưng cho sản phẩm
- + Màu nước: Màu nước trong sáng, sánh, đặc trưng cho sản phẩm
- + Mùi: Có mùi thơm cơm tự nhiên, hài hòa và hấp dẫn
- + Vị: Chát dịu, dễ chịu, đặc trưng cho sản phẩm, khá hài hòa giữa vị và mùi

2. Các tiêu chuẩn lý-hóa theo TCVN 9740:2013 về Chè xanh

STT	TÊN TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC
1	Hàm lượng Catechin tổng số, tối thiểu	%	13.5
2	Hàm lượng Polyphenol tổng số, tối thiểu	%	16
3	Hàm lượng chất chiết trong nước, % khối lượng, tối thiểu	%	45
4	Hàm lượng tro tổng số, % khối lượng Tối thiểu Tối đa	%	7.0
5	Hàm lượng tro tan trong nước % khối lượng tro tổng số, tối thiểu	%	58.0
6	Độ kiềm tro tan trong nước (tính theo KOH), % khối lượng	%	1.80

	Tối thiểu Tối đa		
7	Hàm lượng tro không tan trong Axit % khối lượng, tối đa	%	0.38
8	Hàm lượng xơ thô, % khối lượng, tối đa	%	13.0
9	Tỷ lệ Catechin tổng số và Polyphenol tổng số, % khối lượng, tối thiểu	%	0.84

3.Hàm lượng kim loại nặng: Áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo: QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	0.21
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	0.10
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0.13
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0

4.Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y Tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC
1	Hàm lượng Bifenthi	mg/kg	0
2	Hàm lượng chlorpyrifos	mg/kg	0
3	Hàm lượng Buprofezin	mg/kg	0
4	Hàm lượng Clothiandin	mg/kg	0
5	Hàm lượng Cypermethrins	mg/kg	0
6	Hàm lượng Deltamethrin	mg/kg	0
7	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	0
8	Hàm lượng Etoxanzole	mg/kg	0
9	Hàm lượng Fenpropathrin	mg/kg	0
10	Hàm lượng Flubendiamide	mg/kg	0
11	Hàm lượng Flufenoxuron	mg/kg	0
12	Hàm lượng Hexythiazox	mg/kg	0
13	Hàm lượng Indoxacarb	mg/kg	0
14	Hàm lượng Methidation	mg/kg	0
15	Hàm lượng Paraquat	mg/kg	0

16	Hàm lượng Propargite	mg/kg	0
17	Hàm lượng Thiamethoxam	mg/kg	0
18	Hàm lượng Tolfenpyrad	mg/kg	0

6. Chỉ tiêu vi sinh vật: Áp dụng theo quyết định số 46/2017/QĐ-BYT, ngày 19/12/2007 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.”

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10⁴
2	Coliforms	CFU/g	10
3	Cl. pefringens	CFU/g	10
4	E.coli	CFU/g	Không có
5	B.cereus	CFU/g	10²
6	Tổng số tế bào nấm men – nấm mốc	CFU/g	10²

Chúng tôi xin cam kết, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố/.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2025
TRAVINA- HỢP TÁC XÃ TÂM TRÀ VIỆT

Đã ký, đóng dấu
 (che chữ ký khi đăng web)